

Số: 76/2019/QĐST-HNGĐ

Tiên Lãng, ngày 02 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đăng K, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Đăng K và bà Bùi Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đăng K và bà Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con là Bùi Quang V, sinh ngày 30/12/2006 và Bùi Thị Thu T, sinh ngày 13/02/1993. Ông bà thoả thuận: Ông K trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Quang V; con Bùi Thị Thu T đã trưởng thành, ông bà không phải nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 02/5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, ông bà xin tự giải quyết với nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận sau đây giữa ông Bùi Đăng K và bà Bùi Thị T:

Ông Bùi Đăng K và bà Bùi Thị T xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: Diện tích đất ở, đất vườn là 410m^2 , đất tiếp giáp với trục đường xã T, huyện T, đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M024396 ngày 01/7/1999 mang tên ông Bùi Đăng K.

Trên đất có 01 (một) ngôi nhà ống, mái bằng xây dựng về nửa đất phía Bắc, chiều ngang 5m, chiều dài 14,5m, tổng diện tích 120m^2 (gồm cả gác xép); nửa đất còn lại có xây dựng 01 (một) xưởng mộc lợp mái tôn, chiều dài 15m, chiều ngang 4m, diện tích 80m^2 .

Các công trình xây dựng khác: 01 (một) bể nước mưa 12m^3 và 01 (một) bể lọc nước 6m^3 .

Diện tích đất nông nghiệp là 3040m^2 , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0194170, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 28/6/1995 mang tên ông Bùi Đăng K.

Các tài sản khác (động sản), ông bà đã tự chia nhau, không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Ông Bùi Đăng K và bà Bùi Thị T thỏa thuận chia tài sản chung như sau: Ông Bùi Đăng K được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn là 410m^2 , đất tiếp giáp với trục đường xã T, huyện T, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M024396 ngày 01/7/1999 mang tên ông Bùi Đăng K và sở hữu toàn bộ các công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất như nêu trên.

Bà Bùi Thị T được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp là 720m^2 , tương đương 02 (hai) sào Bắc Bộ theo tiêu chuẩn nhân khẩu của mình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0194170 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 28/6/1995 mang tên ông Bùi Đăng K. Vị trí thửa đất nông nghiệp của bà T được chia giáp với thửa đất nông nghiệp của ông Phạm Văn H ở cùng thôn.

Ông Bùi Đăng K có trách nhiệm chia trả cho bà Bùi Thị T khoản tiền chênh lệch giá trị tài sản chung là: 675.000.000 (sáu trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Ông Bùi Đăng K đã giao đủ số tiền trên cho bà Bùi Thị T; bà T cũng đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn, đất nông nghiệp cho ông K quản lý; ông K đã quản lý, sử dụng đất ở, đất vườn, các công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất; bà T đã quản lý, sử dụng phần đất nông nghiệp được chia của mình.

- Về án phí: Ông Bùi Đăng K nhận chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng; ông K đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011244 ngày 04 tháng 7 năm 2018 nên được trả lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trả lại bà Bùi Thị T 19.429.000 (mười chín triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí chia tài sản khi ly hôn đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011257 ngày 20 tháng 7 năm 2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Chi